TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 4 - 2019

"V/v Yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN .

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Nguyễn Ngọc Thăng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Dũng và bà Vũ Thị Liên.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa : Ông Nguyễn Tuấn Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện Kim Động xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc "*Yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST - HNGĐ ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1986. Có mặt
* Bị đơn: Anh Đào Ngọc D - Sinh năm 1982.Có mặt
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012;
+ Cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014;
* Người đại diện theo pháp luật cho cháu D và cháu T: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Ngọc D.
Đều HKTT: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu D và cháu T:
+ Bà Phạm Thị Thủy - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. (có mặt)
* Những người làm chứng:
+ Bà Trần Thị D - Sinh năm 1949. (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn C, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
+ Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1958. (có mặt)
Trú tại: Thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tại Toà án , Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Ngọc D là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/9/2010. Sau khi cưới, chị N về ngay gia đình anh D làm ăn chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống không hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó thì anh D không quan tâm thương yêu chăm sóc chị N như người vợ, trong gia đình có xảy ra việc gì hoặc giữa chị N và mẹ chồng có to tiếng với nhau, anh D không tìm hiểu đầu đuôi và đều đổ lỗi cho chị N, vợ chồng không nói chuyện được với nhau từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ tháng 5/2018, chị N và anh D chung sống với nhau cùng nhà nhưng sống ly thân nhau, đến cuối tháng 10/2018 thì chị N đã bỏ hẳn gia đình anh D về gia đình bố mẹ chị N ở thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương sinh sống làm ăn, vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm chăm sóc đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân nhau cứ kéo dài mãi tình trạng như hiện nay thì chỉ làm khổ nhau, chị N đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để chị có điều kiện ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị N xác định, quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh D, nếu vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trường hợp chị không được nuôi cả hai con chung thì chị xin được nuôi cháu T đến tuổi thành niên còn để anh D nuôi cháu D đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị về sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ chị, bố mẹ đẻ chị có nhà ở ổn định, chị làm công nhân may của Công ty Cổ phần May Việt Trí. Địa chỉ: Đông La, Hồng Quang, Thanh Miện, Hải Dương thu nhập của chị một tháng theo bảng lương của công ty là 7.216.300 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Chị N tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn là anh Đào Ngọc D trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Ngọc D và chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, điều kiện, cơ sở kết hôn như chị N trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tiếng nói chung, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bản thân anh D là người ít nói nên chị N cho rằng anh không quan tâm chăm sóc thương yêu chị N. Bên cạnh đó thì chị N sống cùng mẹ chồng nhưng không chu toàn, mẹ chồng nói một, con dâu nói một nên hay xảy ra cãi vã, anh có lên tiếng khuyên bảo thì chị N cho rằng anh gia trưởng, chỉ nghe lời mẹ, từ những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nghĩ đến con chung anh cũng đã cố gắng khuyên bảo chị N sửa chữa tính nết, để vợ chồng chung sống nuôi dạy con chung nhưng chị N không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên từ tháng 5/2018 anh D và chị N mặc dù chung sống cùng nhà, nhưng vợ chồng sống ly thân nhau, không có quan hệ vợ chồng cho đến cuối tháng 10/2018 thì chị N bỏ hẳn gia đình anh D về gia đình bố mẹ chị N ở thôn N, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương sinh sống làm ăn, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng độc lập. Đến nay chị N xin ly hôn với anh, quan điểm của anh D xác định anh cũng khuyên bảo và nói chuyện với chị N nhiều lần nhưng không được, anh xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, anh D nhất trí ly hôn với chị N.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh D và chị N có 02 con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh, nếu vợ chồng ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị Ngân cấp dưỡng nuôi con chung cho anh và hiện nay anh D làm bảo vệ cho công ty TNHH YOUNGONE Hưng Yên. Địa chỉ xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên có thu nhập hàng tháng theo bảng lương của công ty tháng 02/2019 là 8.515.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng canh tác: Anh D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Người làm chứng là là bà Nguyễn Thị L(mẹ đẻ chị N) và bà Trần Thị D(mẹ đẻ anh D) đều trình bày:*** Về điều kiện và cơ sở kết hôn như chị N và anh D trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi cưới và đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, bà L và bà D đều xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh D đã trầm trọng, chị N cũng đã bỏ gia đình anh D về gia đình bố mẹ đẻ chị N sinh sống từ tháng 10/2018 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, chị N và anh D khó có thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình, đến nay chị N xin ly hôn anh D, bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N, bà D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã P ngày 18/3/2019 thì chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 13/9/2010 là đúng, vợ chồng chung sống với nhau đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau không hợp, bản thân anh

D là người ít nói nên vợ chồng không chia sẻ được tình cảm với nhau, từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Bên cạnh đó thì giữa chị N và bố mẹ đẻ anh D cũng không hợp thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, anh D không hóa giải được mâu thuẫn nên gia đình vợ chồng luôn căng thẳng, khoảng giữa năm 2018 thì vợ chồng anh D và chị N đã sống ly thân nhau, chị N bỏ gia đình anh D về gia đình bố mẹ đẻ chị N ở Hải Dương sinh sống. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh D và đề nghị Tòa án huyện Kim Động giải quyết, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống, vợ chồng anh D và chị N có 02 con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với anh D, nếu vợ chồng chị N và anh D ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế của các bên để giải quyết, đảm bảo quyền lợi của con chung chưa thành niên.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Địa phương không nắm được.

+ Về ruộng canh tác: Giữa chị N và anh D không có gì liên quan.

Tại phiên toà hôm nay:

* Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N và Bị đơn là anh Đào Ngọc D vẫn giữ nguyên quan điểm tự nguyện thuận tình ly hôn.

* Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Chị N và anh D đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về con chung Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trường hợp chị không được nuôi cả hai con chung thì chị xin được nuôi cháu T đến tuổi thành niên còn để anh D nuôi cháu D đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình tranh tụng, lúc đầu anh D xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Nhưng sau đó, anh D đã thay đổi yêu cầu và tự nguyện thỏa thuận với chị N để chị N trực tiếp nuôi và chăm sóc cả hai con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 đến tuổi thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ng; anh D có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

* Người làm chứng là bà Nguyễn Thị L cũng giữ nguyên quan điểm trình bày của mình bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của chị N.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu D và cháu T: Bà Phạm Thị Thủy đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị N và anh D, để chị N trực tiếp nuôi cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 đến tuổi thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N; anh D có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc chuyển Hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi xét xử còn bị chậm 06 ngày theo quy định.Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 51, 55; 58,81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đào Ngọc D.

+ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị N và anh D, giao cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 cho chị N nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N; anh D có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức : Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ an , từ khi Tòa án thụ lý vụ án, xác minh thu thập chứng cứ, triệu tập nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng cũng như ấn định thời gian xét xử đối với vụ án theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm.

[2]. Về quan hệ hôn nhân : Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Ngọc D kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã P, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên vào ngày 13/9/2010. Như vậy, hôn nhân của chị N và anh D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, vợ chồng chung sống với nhau nhưng không có tiếng nói chung, không chia sẻ được tình cảm trong cuộc sống gia đình, chị N cho rằng anh D không thương yêu chăm sóc chị như một người vợ. Bên cạnh đó thì giữa chị N và gia đình anh D cũng không hòa thuận hay ra mâu thuẫn, bản thân anh D không hóa giải được mâu thuẫn nên gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng ly thân nhau, không có quan hệ vợ chồng và từ cuối tháng 10/2018 thì chị N đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân thì không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa.

Qua lời khai ngày 25/02/2019 của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ chị N) và lời khai ngày 19/3/2019 của bà Trần Thị D (là mẹ đẻ anh D) và theo xác minh tại UBND xã P

ngày 18/3/2019 thì việc vợ chồng chị N, anh D mâu thuẫn căng thẳng là đúng, vợ chồng đã ly thân từ lâu, khó có thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị N và anh D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị N và anh D có 02 con chung là các cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014. Cả hai cháu đang ở cùng với anh D. Quan điểm của chị N là nếu vợ chồng ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Trường hợp chị không được nuôi cả hai con chung thì chị xin được nuôi cháu T còn để anh D nuôi cháu D đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Lúc đầu anh D vẫn giữ yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung đến tuổi thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Nhưng trong quá trình tranh luận, anh D đã chấp nhận để chị N được nuôi cả 02 con chung đến khi thành niên.

Sau khi nghị án, xét thấy cần làm rõ việc anh D chấp nhận để cho chị N được nuôi cả 02 con chung có tự nguyện không, anh D và chị N có thỏa thuận được việc nuôi con chung hay không. Hội đồng xét xử đã quyết định quay lại phần hỏi, chị N và anh D đã tự nguyện thỏa thuận với nhau để chị N nuôi và chăm sóc 02 con chung là cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 và cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 đến tuổi thành niên; anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N; anh D có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Xét thấy, sự thỏa thuận của chị N và anh D là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật; chị N có thu nhập ổn định, có đủ khả năng để nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về nuôi con chung của chị N và anh D như quan điểm đại diện Viện kiển sát huyện Kim Động và Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu D, cháu T đề nghị là phù hợp quy định Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức: Chị N và anh D tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đào Ngọc D.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh D, giao con chung của chị N và anh D là cháu Đào Ngọc Thanh T, sinh ngày 12/5/2014 và cháu Đào Ngọc Thùy D, sinh ngày 30/11/2012 cho chị N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N. Anh D được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung công nợ, ruộng canh tác và công sức: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0001515 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- VKSND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Thăng